TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1106/2022/HNGĐ - ST
Ngày 25 - 11 - 2022
V/v tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Hồng Hải

Bà Phạm Thị Lan

-***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Võ Ngọc Liên Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự hôn nhân và gia đình thụ lý số: 614/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 439/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/11/2022 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1984 (Có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Số 20 đường H, Phường N, quận T, Thành phố H;

- ***Bị đơn*****:** Ông Phạm Hồng T, sinh năm 1982 (Có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Số 58/67 đường N, Phường H, quận T, Thành phố H;

Địa chỉ cư trú: Số 62/56/17 đường T, Phường M, quận T, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 22/6/2022, Bản tự khai ngày 14/7/2022 và Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, bà Nguyễn Thị Thanh N trình bày: Bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Phạm Hồng T tự nguyện sống chung từ năm 2009, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 77/2009, Quyển số:

01/P12 do Ủy ban nhân dân Phường H, quận T , Thành phố H cấp ngày 16 tháng 6 năm 2009.

Sau khi kết hôn, bà N và ông Phạm Hồng T sinh sống ở nhiều nơi ở Thành phố H, đến đầu năm 2021, bà N, ông T và các con dọn về ở tại địa chỉ Số 62/56/17 đường T, Phường M, quận T, Thành phố H cho đến nay. Bà N và ông T chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến đầu năm 2015 bà N và ông T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông T thay đổi về tính cách trong cách cư xử với vợ và mâu thuẫn trong công việc thường ngày, cụ thể: Trong thời gian bà N mang thai, ông T vẫn gò ép bà làm việc nặng nhọc, bắt bà phải đi giao hàng ở nhiều nơi, không làm hết việc thì ông T có những lời lẽ xúc phạm, thậm chí đe dọa cả tính mạng bà trước mặt các con làm bà lâm vào tình trạng khủng hoảng tinh thần. Bà N và ông T đã ngồi lại với nhau nhiều lần để hàn gắn tình cảm và thậm chí được cha mẹ hai bên khuyên bảo nhưng cũng chỉ sống yên ổn được một thời gian ngắn thì mâu thuẫn lại tiếp tục. Để đảm bảo tính mạng và sự phát triển lành mạnh của các con nên từ tháng 5 năm 2022 đến nay, bà N cùng các con đã dọn về nhà cha mẹ ruột của bà ở tại địa chỉ Số 20 đường H, Phường n, quận T, Thành phố H. Nay, bà N xác định không còn tình cảm nên đề nghị được ly hôn với ông T để giải thoát cho nhau.

Về phía ông Phạm Hồng T là bị đơn trình bày: Tại Bản tự khai ngày 09 tháng 8 năm 2022, ông T cũng xác định ông và bà N chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bản thân ông T vẫn còn yêu vợ, thương con, đặc biệt thời gian gần đây, ông T bị áp lực về kinh tế, bản thân làm nhiều công việc, đặc biệt do đại dịch Covid nên công việc kinh doanh không có hiệu quả, thu nhập bị giảm sút nên ông T và bà N đã có những tranh cãi gay gắt về hàng hóa, do bà N quá thất vọng về ông T nên tháng 6 năm 2022 bà N cùng các con đã dọn về nhà cha mẹ ruột của bà N ở. Sau khi bà N và các con dọn đi ra ở riêng, bản thân ông T cũng thấy ăn năn, hối hận vì đã không kiềm chế được cảm xúc nên đã có những hành vi, lời nói làm tổn thương vợ. Bản thân ông T, gia đình, bạn bè của ông T và bà N khuyên nhủ hai bên để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Ông T cho rằng trong quá trình sống chung với bà N, ông không có hành vi bạo lực gia đình, hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của người chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Về Con chung: Tại Đơn khởi kiện ngày 22/6/2022, Bản tự khai ngày 14/7/2022 và Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, bà Nguyễn Thị Thanh N trình bày: Bà và ông Phạm Hồng T có với nhau hai con chung tên là Phạm Nguyễn Minh K, sinh ngày 23/9/2011 và Phạm Thị Trúc L, sinh ngày 11/6/2016, các con hiện đang sống với bà N từ nhỏ nên các con đã quen thuộc với sự chăm sóc của người mẹ, bà và các con hiện đang được bố mẹ ruột bà N cho ở lâu dài tại địa chỉ Số 20 đường H, Phường n, quận T, Thành phố H và không phải trả tiền thuê nhà ở, hiện các con đang theo học ở trường học gần nơi ba mẹ con cư trú;

Về thu nhập hàng tháng: Bà N là nhân viên tại Văn phòng Luật sư Dương Thị Tới ở quận Tân Bình, thu nhập hàng tháng là 15.000.000 đồng và ngoài ra, bà N được bố mẹ ruột cho thu tiền thuê nhà hàng tháng cũng khoảng 10.000.000 đồng nên bà N yêu cầu được nuôi con là Phạm Nguyễn Minh K và Phạm Thị Trúc L. Còn việc cấp dưỡng nuôi con chung, do bà và ông T tự thỏa thuận.

Về phía ông Phạm Hồng T trình bày: Tại bản tự khai ngày 09/8/2022, ông và bà Nguyễn Thị Thanh N có hai con chung tên là Phạm Nguyễn Minh K, sinh ngày 23/9/2011 và Phạm Thị Trúc L, sinh ngày 11/6/2016. Hiện ông đang thuê nhà tại địa chỉ Số 62/56/17 đường T, Phường M, quận T, Thành phố H, ông T đang là lái xe cứu hỏa trong Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất, thu nhập hàng tháng khoảng 13.000.000 đồng. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông có nguyện vọng được nuôi bé Phạm Thị Trúc L còn giao bé Phạm Nguyễn Minh K cho bà N nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Phạm Hồng T đều trình bày tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Phạm Hồng T đều tự khai không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bà Nguyễn Thị Thanh N có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt và xin Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu theo Đơn khởi kiện.
- Ông Phạm Hồng T cũng có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Nguyễn Thị Thanh N có đơn xin ly hôn với ông Phạm Hồng T, đây là quan hệ tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình - Bị đơn là ông Phạm Hồng T, có nơi cư trú tại quận T, Thành phố H, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H.

[2] *Trong quá trình xét xử vụ án:* Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố H tống đạt Giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm và Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào hồi 8 giờ 30 ngày 25 tháng 11 năm 2022 nhưng bà N có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 23 tháng 11 năm 2022 và ông T cũng có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 18 tháng 11 năm 2022 nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án

theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[3] V*ề quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Phạm Hồng T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 77/2009, Quyển số: 01//P12 do Ủy ban nhân dân Phường M, quận T, Thành phố H cấp ngày 16 tháng 6 năm 2009 nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Phạm Hồng T là hợp pháp, phù hợp với Luật hôn nhân và gia đình.

[4]*Xét yêu cầu xin ly hôn*: Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Phạm Hồng T phát sinh từ năm 2015 đến nay, do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng gây gổ, cãi vã làm tổn thương nhau, hiện vợ, chồng không còn tiếng nói chung và đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2022 đến nay. Tuy ông T mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng ông T không đưa ra được biện pháp hàn gắn, tại Bản tự khai của ông T mong muốn Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng tại các lần Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất ngày 19 tháng 8 năm 2022, ông T có Đơn xin hoãn mở phiên họp; Tòa án tiếp tục tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 2 vào lúc 8 giờ 30 ngày 27 tháng 9 năm 2022 nhưng ông T vặng mặt không có lý do; Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần 3 vào lúc 8 giờ 30 phút, ngày 27 tháng 10 năm 2022 nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ lần 3 (ngày 27/10/2022) bà N có Đơn đề nghị Tòa án không tiếp tục tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa hôm nay, bà N có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Ông T cũng có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, với nội dung Đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N, các con chung giao cho bà N, tài sản chung do hai bên tự thỏa thuận, nợ chung không có, chứng tỏ bà N và ông T không còn thiết tha xây dựng hạnh phúc gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 19; Điều 21 Điều Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chía sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình…. Vợ, chồng có nghĩa vụ tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau". Nên giữa bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Phạm Hồng T không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do đó, căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ly hôn theo yêu cầu của một bên như sau: "1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của

vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được..” Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh N với ông Phạm Hồng T là có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Phạm Hồng T có hai con tên là Phạm Nguyễn Minh K, sinh ngày 23 tháng 9 năm 2011 và Phạm Thị Trúc L, sinh ngày 11 tháng 6 năm 2016.

Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt của bà N ngày 23 tháng 11 năm 2022, bà N đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu theo Đơn khởi kiện. Theo Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 18 tháng 11 năm 2022 của ông Phạm Hồng T đồng ý các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là giao Phạm Nguyễn Minh K và Phạm Thị Trúc L cho bà Nguyễn Thị Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận; Tại Bản trình bày nguyện vọng của trẻ Phạm Nguyễn Minh K ngày 18 tháng 7 năm 2022, cháu Khánh muốn được ở với mẹ và hiện hai trẻ Khánh và Lâm cũng đang do bà N nuôi dưỡng, chăm sóc. Căn cứ vào khoản 4 Điều 68 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Mọi thỏa thuận của cha mẹ, con liên quan đến nhân thân, tài sản không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên…”. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ nên chấp nhận việc giao hai trẻ Khánh và Lâm cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Phạm Hồng T tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Phạm Hồng T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh N được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Thanh N phải nộp án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

-Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 19, Điều 21, Điều 56, Điều 58, Khoản 4 Điều 68 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

-Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

-Căn cứ Nghị Quyết số:326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I/.Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1.Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh N được ly hôn với ông Phạm Hồng T (Giấy chứng nhận kết hôn số: 77/2009, Quyển số: 01/P12 do Ủy ban nhân dân Phường M, quận T, Thành phố H cấp 16 tháng 6 năm 2009).

2.Về con chung: Ông Phạm Hồng T giao con là Phạm Nguyễn Minh K, sinh ngày 23 tháng 9 năm 2011 và Phạm Thị Trúc L, sinh ngày 11 tháng 6 năm 2016 cho bà Nguyễn Thị Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự giải quyết.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3.Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Phạm Hồng T tự thỏa thuận.

4. Nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Phạm Hồng T cùng khai không c

II/.Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng(Ba trăm nghìn đồng) do bà Nguyễn Thị Thanh N nộp, được cấn trừ vào tiền tạm nộp án phí 300.000 đồng(Ba trăm nghìn

đồng) mà bà Nguyễn Thị Thanh N đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0031721 ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Phạm Hồng T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Ủy ban nhân dân Phường 12, quận Tân Bình (để xóa sổ bộ);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Long